TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 169/2024/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lưu Ngọc T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ 4, khu 4B, phường H1, phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Tạ Thị L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ 4, khu 4B, phường H1, phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L đăng ký kết hôn ngày 17/4/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L xác nhận tình cảm không còn, đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L có 02 con chung là Lưu Quang L, sinh ngày 27/02/2015 và Lưu Quỳnh C, sinh ngày 27/02/2015. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận, anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lưu Quang L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lưu Quỳnh C đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lưu Quỳnh C 10.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L thỏa thuận anh Lưu Ngọc T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[5] Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự lập ngày 31 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Ngọc T và chị Tạ Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Lưu Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lưu Quang L, sinh ngày 27/02/2015 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lưu Quỳnh C, sinh ngày 27/02/2015 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lưu Quỳnh Chi 10.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Lưu Ngọc T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001050 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường M, thị xã Đông Triều;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương